

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/ HNGĐ - ST

Ngày: 26/8/2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ - TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hồng Hạnh

2. Ông Trần Hưng Sơn

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 254/2019/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2019 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị Bích N1, sinh năm: 1981 (có mặt)

HKTT: Ấp SL, xã XD, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở: tổ 9, ấp HQ, xã LG, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh Lưu Văn D, sinh năm 1968 (vắng mặt)

HKTT: tổ 9, ấp HQ, xã LG, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Vũ Thị Bích N1 trình bày: chị và anh Lưu Văn D tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND xã XT vào năm 2000 theo giấy chứng nhận kết hôn số 31, quyển số 01/2000. Đây là lần kết hôn thứ nhất của cả hai.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do quan niệm sống của vợ chồng khác nhau nên thường xuyên gay gắt, đôi khi còn xảy ra xô xát, tình cảm ngày càng lạnh nhạt. Hai bên gia đình hòa giải cho vợ chồng nhưng không thành. Nay tình cảm không còn chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh D.

Về con chung: vợ chồng có 03 con chung là cháu Lưu Vũ Đăng K, sinh ngày 30/4/2001; Lưu Vũ Yến N2, sinh ngày 25/11/2002 và Lưu Vũ Yến V, sinh ngày 28/10/2006. Chị yêu cầu giao 02 cháu Lưu Vũ Yến N2 và Lưu Vũ Yến V cho anh

D trực tiếp nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con chung; Riêng cháu Lưu Vũ Đăng K đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

* Bị đơn anh Lưu Văn D trình bày: anh thống nhất với chị N1 về cơ sở kết hôn, việc đăng ký kết hôn, con chung, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là từ khoảng tháng 5 năm 2019 thì chị N1 cho rằng vợ chồng chung sống không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn. Chị N1 yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn. Về con chung: Anh đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung là cháu Lưu Vũ Yến N2 và Lưu Vũ Yến V; không yêu cầu chị Nguyệt cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: chị Lưu Thị Bích N1 có đơn yêu cầu ly hôn với anh Lưu Văn D và giải quyết vấn đề nuôi con chung nên quan hệ pháp luật là: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: chị Lưu Thị Bích N1 yêu cầu ly hôn với anh Lưu Văn D nên chị N1 là nguyên đơn, còn anh D là bị đơn trong vụ án.

[3] Về thủ tục tố tụng: Ngày 23/7/2019 anh Lưu Văn D có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh D.

[4] Về quan hệ hôn nhân: chị N1 và anh D kết hôn theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn theo chị N1 nguyên nhân mâu thuẫn do quan niệm sống của vợ chồng khác nhau nên thường xuyên gay gắt, đôi khi còn xảy ra xô xát, tình cảm ngày càng lạnh nhạt. Hai bên gia đình hòa giải cho vợ chồng nhưng không thành, còn anh D cho rằng vợ chồng chỉ xảy ra mâu thuẫn khoảng tháng 5 năm 2019, chị N1 muốn ly hôn thì anh đồng ý. Xét mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và anh chị thống nhất ly hôn nên công nhận cho anh chị thuận tình ly hôn.

[5] Về con chung: chị N1 yêu cầu giao 02 con chung là Lưu Vũ Yến N2 và Lưu Vũ Yến V cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Hai cháu Yến Nhi và Yến Vy cũng có nguyện vọng sống với anh D và anh D cũng đồng ý nuôi dưỡng hai cháu Yến Nhi và Yến V, không yêu cầu chị N1 cấp dưỡng nuôi con nên chấp nhận yêu cầu của chị N1. Riêng cháu Lưu Vũ Đăng K đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung: các đương sự khai không có nên không xem xét.

[7] Về nợ chung: các đương sự khai không có và cũng không có ai có đơn yêu cầu giải quyết về nợ chung nên không xem xét.

[8] Về án phí: chị N1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[9] Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM phát biểu ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng.

+ Về nội dung vụ án: công nhận cho chị N1 và anh D thuận tình ly hôn; giao 02 cháu Yến N2 và Yến V cho anh Dương trực tiếp nuôi dưỡng; tạm thời chị Nguyệt không cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

Xét thấy quan điểm của đại diện VKS phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp thuận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 53, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Bích N1.

- Về quan hệ hôn nhân: công nhận chị Vũ Thị Bích N1 và anh Lưu Văn D thuận tình ly hôn.

- Về con chung: giao 02 cháu Lưu Vũ Yến N2, sinh ngày 25/11/2002 và Lưu Vũ Yến V, sinh ngày 28/10/2006 cho anh Lưu Văn D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Tạm thời chị Vũ Thị Bích N1 không cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, chị N1 được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết anh D, chị N1 được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: các đương sự khai không có nên không xem xét.

- Về nợ chung: các đương sự khai không có và cũng không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: chị N1 phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí DSST về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị N1 đã nộp tại biên lai thu tiền số 004989 ngày 10/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM. Chị N1 đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện CM;
- Chi cục THADS huyện CM;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND tỉnh Đồng Nai;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

- UBND xã XT;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trương Thị Thùy Trang